TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/DS-ST
Ngày: 18-9-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Thơm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kiều Phương – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Thành Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1973. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Từ Hữu N, sinh năm 1968, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2023). (có mặt)

Người làm chứng:

1/ Anh **Trương Văn K**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Chị **Nguyễn Thị Nhã P**, sinh năm 1989 (có mặt)

3/ Bà **Trương Thị Bé N**, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2023, bản tự khai cùng ngày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 09/02/2021 (ngày 28/12/2020 âm lịch) chị có cho chị Nguyễn Thị Kim H mượn số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 06 tháng. Chị H viết và có ký tên trong biên nhận, mục đích vay là bị đơn dùng để trả nợ. Từ khi vay đến nay thì chị H không trả vốn cho chị. Hết thời hạn 06 tháng chị có yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H hứa nhưng không thực hiện. Nay chị yêu cầu chị H trả số tiền vốn 20.000.000đ và lãi suất bằng 1,66%/tháng tạm tính từ ngày 06/8/2021 dương lịch đến ngày 06/5/2023 dương lịch (nhằm ngày 28/6/2021 âm lịch đến ngày 17/3/2023 âm lịch) là 21 tháng với số tiền 6.972.000đ. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ vốn, lãi là 26.972.000đồng và tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Kim H, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Thừa nhận ngày 09/02/2021 dương lịch (nhằm ngày 28/12/2020 âm lịch) chị H có vay của chị L số tiền 20.000.000đồng và chị H có ký tên vào biên nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng/1.000.000đ, thời hạn vay là 06 tháng, bị đơn vay dùng để trả nợ, sau khi vay đến tháng 4 năm 2022 có trả được lãi 15 lần mỗi tháng là 1.200.000đồng x 15 tháng bằng 18.000.000đồng và đã trả vốn 20.000.000đồng. Nay theo yêu cầu của nguyên đơn thì chị H không đồng ý do đã trả gốc và lãi cho chị L xong.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả số tiền vốn 20.000.000đồng, lãi điều chỉnh lại theo mức lãi suất 0,83%/tháng do mượn không thỏa thuận lãi suất, thời gian tính lãi từ ngày 10/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/9/2023 tính tròn 24 tháng bằng 3.984.000đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do chị H đã trả xong vốn, lãi cho nguyên đơn.

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 91, 92; 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị L.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho Trần Thị L số tiền vốn 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi là 3.984.000đ (ba triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng). Tổng cộng vốn, lãi 23.984.000đ (Hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ nộp 1.199.200đ (Một triệu một trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim H, địa chỉ cư trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả số tiền vay còn nợ. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai nên căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị L cho rằng có cho chị Nguyễn Thị Kim H vay tiền ngày 09/02/2021 (ngày 28/12/2020 âm lịch) số tiền vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 06 tháng. Chị H viết và có ký tên trong biên nhận, mục đích vay là dùng để trả nợ. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim H cũng thừa nhận có vay tiền chị L ngày 09/02/2021, số tiền 20.000.000đồng, nhưng với lãi suất 6%/tháng và có ký tên vào biên nhận. Do đó sự việc vay tiền giữa chị H và chị L là thực tế có xảy ra.

Xét yêu cầu của chị L yêu cầu chị H trả số tiền vốn vay 20.000.000đ và điều chỉnh lãi suất 0,83%/tháng nhưng chị H cho rằng sau khi vay đến tháng 4 năm 2022 chị H có trả lãi được 15 lần mỗi tháng là 1.200.000đồng x 15 tháng bằng 18.000.000đ và vốn 20.000.000đồng nên theo yêu cầu của nguyên đơn thì chị H

không đồng ý do đã trả gốc và lãi cho chị L xong. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H trình bày đã trả vốn, lãi cho chị L xong nhưng không cung cấp chứng cứ, chứng minh đã trả số tiền vốn, lãi. Mặc khác Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ người làm chứng biết về việc trả nợ theo yêu cầu của bị đơn nhưng những người làm chứng xác định không chứng kiến việc chị H đã trả tiền trực tiếp cho chị L, do vậy việc chị H yêu cầu chị L có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 20.000.000đồng là cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

Xét đối với phần lãi suất nguyên đơn yêu cầu lãi suất bằng 0.83%/tháng, ngày bị đơn vay ngày 09/02/2021 (ngày 28/12/2020 âm lịch), thời hạn vay là 06 tháng do vậy đến ngày 10/8/2021 bị đơn mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc nguyên đơn cho rằng việc vay mượn nợ không có thỏa thuận lãi suất nên điều chỉnh theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 10/8/2021 đến ngày 18/9/2023 tính tròn 24 tháng số tiền 3.984.000đồng là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ là 5% trên số tiền bị buộc trả là 23.984.000 x 5% bằng 1.199.200đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 229; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị L.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ trả chị Trần Thị L số tiền còn nợ vốn 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi 3.984.000đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng). Tổng cộng vốn, lãi là 23.984.000đồng (hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu người phải thi hành án chưa trả xong số tiền trên thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ nộp 1.199.200đồng (Một triệu một trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 674.000đ (Sáu trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) cho chị Trần Thị L theo lai thu số 0004086 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Trà Ôn;
- Chi cục Thi hành án huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Thạch Thị Tuyền